

MỸ TIẾT LỘ VỀ TRẬN HOÀNG SA 1974



**HQ-4 Trần Khánh Dư - Khu trục hạm
Hạm trưởng: Vũ Hữu San**



**HQ-5 Trần Bình Trọng - Tuần dương hạm
Hạm trưởng: Trung tá Phạm Trọng Quỳnh.
Chỉ huy chiến dịch: Đại tá Hà Văn Ngạc**



HQ-10 Nhật Tảo - Hộ tống hạm
Hạm trưởng: Ngụy Văn Thà



HQ-16 Lý Thường Kiệt - Tuần dương hạm
Hạm trưởng: Trung tá Lê Văn Thụ

**Hình ảnh lưu niệm các Chiến Thuyền Hải Quân QLVNCH
Đã tham dự trận Hải chiến Hoàng Sa để địch lại với
quân xâm lăng Trung cộng vào năm 1974**

oOo

Chính phủ Hoa Kỳ đã cho tiết lộ hai tài liệu mật liên quan đến quan điểm của Hoa Kỳ về Hoàng Sa và Trường Sa, đó là biên bản hai cuộc họp về vấn đề Đông Dương ngày 25-1-1974 và ngày 31-1-1974 do ngoại trưởng Henry Kissinger chủ trì.

Trước khi trình bày về tài liệu này, để độc giả có thể nắm được vấn đề một cách dễ dàng, chúng tôi xin nói qua về tương quan lực lượng giữa Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) và quân đội Trung cộng khi biến cố Hoàng Sa xảy ra và lý do tại sao Hoa Kỳ từ chối không yểm trợ cho Hải Quân và Không Quân VNCH chống lại Trung cộng.

Tương quan lực lượng

Tính đến năm 1975 Hải Quân VNCH có quân số lên tới 39,000 người, gồm 1,611 tàu thuyền đủ loại, được phân thành 5 vùng Duyên Hải, hai vùng Sông Ngòi và một hạm đội Tuần Duyên với 83 chiến hạm đủ loại. Những chiến hạm có thể chiến đấu trên biển gồm các loại sau đây: 2 khu trục hạm, 7 tuần dương hạm, 8 hộ tống hạm, 9 tàu đổ bộ và 4 tàu trợ chiến. Với lực lượng như thế, Quân Lực VNCH không thể huy động để chống lại được quân Trung cộng trên biển hay sao?

Sở dĩ QLVNCH không thể chống lại Trung cộng vì các lý do sau đây:

1. Quân đội Trung cộng vượt trội hơn Quân Lực VNCH về cả hải quân lẫn không quân. Trong trận Hoàng Sa, lực lượng hai bên chênh lệch một cách rõ rệt: Trung cộng đã sử dụng một lực lượng Hải Quân hùng hậu gồm hơn 16 chiếc đủ loại, từ tàu đánh cá nguy trang Nan Yu cho đến hai 2 chiến hạm loại Hainan 281 và 282, 2 chiến hạm loại Jiangnan 27 và 274 và 4 phi tiễn đĩnh Komar mang số 133, 137, 139, 145. Trong khi đó, lúc đầu HQVNCH chỉ có tuần dương hạm Lý Thường Kiệt HQ 16. Những ngày tiếp theo VNCH mới tăng cường thêm các chiến hạm HQ 4, HQ 5 và HQ 10.
2. Trung cộng đã huy động cả hải lực không quân để áp đảo, trong khi VNCH không thể huy động không quân vì Hoa Kỳ từ chối giúp đỡ (chúng tôi sẽ nói sau).
3. Vì quyết chiếm Hoàng Sa, Trung cộng đã hoạch định một kế hoạch hành quân chu đáo: khi lâm trận, họ đã áp dụng chiến thuật “cài răng lược” khiến HQVNCH không thể xoay trở được khiến bị trúng kế địch.

Tuy các chiến hạm Trung cộng chỉ trang bị đại bác 100 ly (3.9 in) hay đại bác 85 ly (3.5 in), còn chiến hạm HQ 16 của VNCH có đại bác 127 ly và HQ 10 có đại bác 76.2 ly,

nhưng Trung cộng áp dụng chiến thuật bám sát các chiến hạm của VNCH trong khoảng cách gần, nên đại bác của HQVNCH không sử dụng được.

Cho dù cuộc chiến xảy ra ở tầm xa, HQVNCH cũng không thể thắng được vì khi thực hiện “Việt Nam hóa” chiến tranh theo đúng lịch trình của kế hoạch “Accelerated Turnover to the Vietnamese” (ACTOV), Hoa Kỳ có giao cho VNCH một số chiến hạm nhưng họ đã gỡ đi các giàn phóng phi đạn được trang bị trên đó, trong khi nhiều chiến hạm Trung cộng có trang bị giàn phóng phi đạn và được không quân yểm trợ.

Tóm lược các diễn biến

Các bài viết về trận đánh Hoàng Sa có quá nhiều với những cách nhìn khác nhau, chúng tôi chỉ xin ghi lại các nét chính.

Trong cuốn hồi ký “Can trường trong chiến bại”, phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, tư lệnh hải quân Vùng I Duyên Hải, người chỉ huy trận đánh Hoàng Sa, kể lại rằng ngày 15-1-1974, trung tá Lê Văn Thụ, hạm trưởng tuần dương hạm Lý Thường Kiệt HQ 16 được lệnh đưa Địa phương quân và nhân viên khí tượng ra Hoàng Sa thay toán ngoài đó đã hết nhiệm kỳ. Có hai sĩ quan công binh đi theo để sửa cầu tàu. Ông Jerry Scott, thuộc văn phòng Tòa Tổng Lãnh Sự Mỹ ở Đà Nẵng, cũng xin cho một viên chức Mỹ là Gerald Kosh đi theo để biết Hoàng Sa. Nhưng khi người nhái của VNCH đổ bộ lên các đảo Duncan và Drummond thì đụng ngay một toán quân Trung cộng ở trên đó.

Ngày 17-1, chiến hạm HQ 16 báo cáo hai tàu đánh cá của Trung cộng không tuân lệnh ra khỏi lãnh hải VNCH. Sau đó, lại có thêm hai tàu Trung cộng chở quân tới gần đảo và đã có nhiều cờ Trung cộng trên bờ. Bộ Tư Lệnh Hải Quân ở Sài Gòn đã phái thêm khu trục hạm Trần Khánh Dư HQ 4 do trung tá Vũ Hữu San ra tăng cường. Sau đó hai chiến hạm Trần Bình Trọng HQ 5 và Nhật Tảo HQ 10 cũng được gọi ra Hoàng Sa. Chiều 18-1, các chiến hạm của hai bên chạy kế ngang nhau và chĩa súng vào nhau.

Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại đã liên lạc với Bộ Tư Lệnh Hải Quân tại Sài Gòn xin cho biết có đơn vị nào của Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ ở trong vùng hay không. Tin tức xác nhận các chiến hạm Hoa Kỳ đang ở rất gần các chiến hạm VNCH.

Lúc 10 giờ ngày 19-1-1974, đại tá Hà Văn Ngạc, chỉ huy chiến thuật (OTC) tại mặt trận, đang ở trên soái hạm Trần Bình Trọng HQ 5, báo cáo các chiến hạm hai bên đang ở vị trí quá gần nhau trong thế “cài răng lược”. Toán đổ bộ của chiến hạm HQ 16 được lệnh trở ra chiến hạm. Khi toán đổ bộ đang dùng thuyền cao su chèo ra khơi thì trận chiến bùng nổ.

Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải được tùy viên quân sự Hoa Kỳ cạnh Hải Quân Vùng I cho biết có khoảng 17 chiến hạm Trung cộng và 4 tàu ngầm đang hướng về

Hoàng Sa. Ông ta cũng cho biết các phản lực cơ chiến đấu của Trung cộng sắp cất cánh từ đảo Hải Nam để tấn công các chiến hạm của VNCH tại Hoàng Sa.

Trận hải chiến chỉ kéo dài trong hơn 30 phút. Các chiến hạm VNCH không đuổi theo các chiến hạm Trung cộng và các chiến hạm Trung cộng cũng không đuổi theo các chiến hạm VNCH. Không chiến hạm nào của Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ tiến vào nơi có cuộc giao tranh.

Hộ tống hạm Nhật Tảo HQ 10 bị bắn chìm, thiếu tá Nguyễn Văn Thà với 24 quân nhân khác bị tử thương, 26 người mất tích, 23 thủy thủ trôi dạt được tàu của hãng Shell vớt.

Hai khu trục hạm Trần Khánh Dư HQ 4 và Trần Bình Trọng HQ 5 bị hư hại, mỗi chiến hạm có hai chiến sĩ bị tử thương.

Tuần dương hạm HQ 16 do trung tá Lê Văn Thụ chỉ huy, bị trúng đạn nghiêng một bên, được lệnh quay về Đà Nẵng, có một chiến sĩ bị thương và 16 chiến sĩ khác trôi dạt trên thuyền cao su về đến Quy Nhơn.

Có 43 người đã bị bắt làm tù binh, trong đó có ông Gerald Kosh, được đưa về Quảng Châu, sau đó được trao trả cho VNCH qua Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế.

Về phía Trung cộng, hộ tống hạm Kronkstad 274 bị chìm, hộ tống hạm Kronkstad 271 và hai khu trục hạm 389 và 396 bị hư hại nặng, các sĩ quan chỉ huy là Vương Kỳ Uy, Triệu Quát và Diệp Mạnh Hải đều bị tử trận.

Mỹ từ chối yểm trợ

Có một điều quan trọng mà phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại không biết đến, đó là Hoa Kỳ đã từ chối yểm trợ VNCH trong trận chiến Hoàng Sa.

Ngày 18-1-1974, Bộ Tư Lệnh Hải Quân VNCH biết rõ hàng không mẫu hạm USS Enterprise của Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ đang có mặt trong vùng gần Hoàng Sa. Phó đề đốc Diệp Quang Thủy, tham mưu trưởng Bộ Tư Lệnh Hải Quân đã hỏi đại tá Kussan, tùy viên quân sự Mỹ tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân rằng phi cơ chiến đấu của Việt Nam khi đi tác chiến tại Hoàng Sa có thể hạ cánh xuống hàng không mẫu hạm USS Enterprise để xin tiếp tế nhiên liệu được không? Phó đề đốc Thủy cho biết Đà Nẵng cách Hoàng Sa trên 150 hải lý, do đó, phi cơ chiến đấu sẽ không đủ nhiên liệu để có thể vừa đi vừa về, nếu phải mang theo hai bình xăng thì không thể tác chiến được.

Sau khi trao đổi với Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn, đại tá Kussan đã trả lời cho phó đề đốc Diệp Quang Thủy như sau: Các chiến hạm Mỹ không thể tiếp tế cho Quân Lực VNCH vì hai lý do sau đây:

Lý do thứ nhất, Hiệp Định Paris cấm Hoa Kỳ không được tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam (điều 4).

Lý do thứ hai, Luật War Power Act ngày 2-9-1973 cấm Hoa Kỳ sử dụng lực lượng quân sự ở Đông Dương. Vì thế, các chiến hạm Hoa Kỳ không thể tiếp tế nhiên liệu cho các chiến đấu cơ VNCH được. Các chiến hạm Hoa Kỳ chỉ có thể cứu giúp quân đội VNCH khi bị các tai nạn mà thôi. Tuy nhiên, đó phải là các tai nạn bình thường, còn các tai nạn do chiến đấu, các chiến hạm Hoa Kỳ cũng không thể cứu giúp được.

Cần lưu ý, trong thời gian còn chiến tranh Việt Nam, Bộ Chỉ Huy Viện Trợ Quân Sự Hoa Kỳ tại Việt Nam (The US Military Assistance Command, Vietnam – MACV) là cơ quan chỉ huy quân sự thống nhất của Mỹ tại miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, sau Hiệp Định Paris, cơ quan này bị hủy bỏ và được thay thế bằng Văn Phòng Tùy Viên Quân Sự Hoa Kỳ tại Việt Nam (Defense Attach Office – DAO) kể từ ngày 28-1-1973, do đó không còn các cố vấn Mỹ nữa mà chỉ còn các tùy viên quân sự.

Quan điểm của Hoa Kỳ quá rõ

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, theo tài liệu Hoa Kỳ vừa công bố, trong hai cuộc họp do ngoại trưởng Kissinger chủ trì ngày 25-1-1974 và ngày 31-1-1974, tức sau khi Hoàng Sa bị mất, vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa đã được đưa ra bàn cãi. Nội dung tài liệu này đã được đài BBC trình bày ngày 3-10-2011, chúng tôi xin ghi lại những điểm quan trọng sau đây:

1. Về trận đánh Hoàng Sa

Đô đốc Thomas H. Moorer, chủ tịch Hội đồng Tham mưu Liên quân: “Chúng ta đã tránh xa vấn đề”.

Ngoại trưởng Kissinger: “Chúng ta chưa bao giờ ủng hộ tuyên bố chủ quyền của họ [Nam Việt Nam]?”.

Đô đốc Moorer: “Toàn vùng đó là cả vấn đề. Trường Sa và các đảo khác cũng có cùng vấn đề – đó là lãnh thổ đang tranh chấp. Chúng tôi đã ra lệnh tránh khỏi vùng đó”.

Ngoại trưởng Kissinger: “Ai khởi đầu trận chiến ở Hoàng Sa?”.

Đô đốc Moorer: “Một đội tuần tra của Nam Việt Nam trong khu vực phát hiện một số tàu Trung cộng tiến về các đảo; họ tiến đến và đưa khoảng 75 người lên đảo Duncan (Quang Hòa). Đó là một trong các đảo phía nam của nhóm Nguyệt Thiềm. Họ phải đối đầu với hai đại đội Trung cộng. Phía Nam Việt Nam phải rút sang các đảo gần đó. Bốn tàu Nam Việt Nam và khoảng 11 tàu Trung cộng sau đó có trận hải chiến trong khi quân Nam Việt Nam rút lui”.

2. Quan điểm của Hà Nội

Ngoại trưởng Kissinger: “Phản ứng của Bắc Việt trước toàn bộ vụ việc là thế nào?”.

William Colby, giám đốc CIA: “Họ bỏ qua, nói rằng nó nằm dưới vĩ tuyến 17 và vì thế không có ảnh hưởng đến họ. Nói chung, họ không đưa ra lập trường, không theo bên nào”.

William Smyser, thuộc Hội đồng An ninh Quốc gia: “Nó đặt họ vào tình thế tế nhị. Họ không nói gì cho đến khi đã xong chuyện, và rồi chỉ nói họ lên án việc dùng vũ lực”.

Ngoại trưởng Kissinger “Tôi biết họ nói gì rồi, nhưng họ thực sự cảm thấy thế nào?”.

Đô đốc Moorer: Tôi nghĩ họ lo lắng.

William Colby: “Bắc Việt có thể muốn có mỏ dầu tại đó”.

Ông Clements, thứ trưởng quốc Phòng: “Đừng quá mơ mộng về khả năng có dầu tại các đảo đó. Đó vẫn là chuyện trên trời. Hiện chẳng có gì ở đây cả, chỉ là tương lai thôi. Hiện nay dầu hỏa ở đó không khả thi. Chỉ là tiềm năng”.

Đô đốc Moorer: “Người Pháp nắm giữ các đảo trong thập niên 1930 cho đến khi Nhật chiếm trong Thế chiến. Năm 1955, người Pháp từ bỏ chủ quyền các đảo và Nhật đã làm như thế năm 1951. Nam Việt Nam và Trung cộng kể từ đó cùng nhận chủ quyền. Philippines có tuyên bố yếu ớt, nhưng chỉ là trên giấy.”

Sau đó, Đô đốc Moorer xác nhận lại với Henry Kissinger: “Chỉ thị của tôi là tránh xa khỏi toàn bộ khu vực”.

3. Chuyện bảo vệ Philippines

Trong một cuộc họp ngày 31-11-974 tại Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, ngoại trưởng Kissinger được thông báo: “Không có dấu hiệu Trung cộng định tiến về Trường Sa. Dầu vậy, có sự lo ngại đáng kể từ phía Nhật, Philippines và đặc biệt là Nam Việt Nam, mà theo tin báo chí thì hôm nay đã gửi đoàn 200 người ra chiếm một số hòn đảo lâu nay không ai ở trong khu vực Trường Sa.”

“Đài Loan đã chiếm ít nhất một đảo và Trung cộng cũng vậy.”

“Trong bối cảnh này, Philippines đã hỏi Mỹ liệu Hiệp Ước An ninh Mỹ–Philippines có được áp dụng hay không nếu quân Philippines kéo ra Trường Sa và bị Trung cộng tấn công”.

Các quan chức Mỹ có mặt trong cuộc họp đồng ý rằng không có câu trả lời rõ rệt và họ muốn để ngỏ sự mơ hồ trong câu trả lời cho Philippines.

Một người trong cuộc họp, ông Hummel, nói: “Tập âm xung quanh các tuyên bố của chúng ta về những hòn đảo này hẳn đã đủ cho người Philippines hiểu rằng chúng ta không có ý định hay chúng ta không muốn”.

Ngoại trưởng Kissinger kết luận: “Câu trả lời của chúng ta là đúng. Chúng ta không nên nói chúng ta sẽ bảo vệ họ”.

Một vài nhận xét

Qua các sự kiện vừa được trình bày nói trên, chúng tôi có một số nhận xét như sau:

1. Hoa Kỳ không muốn can dự vào các tranh chấp về chủ quyền trên Biển Đông vì sợ đụng chạm với Trung cộng, nơi Hoa Kỳ có rất nhiều quyền lợi.

Mặc dầu trong chuyến viếng thăm Á Châu vừa qua, tổng thống Obama đã cho các quốc gia trong vùng hiểu rằng Mỹ sẽ “bao vây” Trung cộng cả về kinh tế lẫn quân sự, nhưng trong cuộc họp báo hôm 8-12-2011 tại Bắc Kinh, kết thúc cuộc đối thoại quốc phòng thường niên Mỹ-Trung, bà Michele Flournoy, thứ trưởng bộ quốc phòng Hoa Kỳ, khẳng định việc Washington tăng cường các liên minh quân sự tại Á Châu không nhằm mục đích “ngăn chặn” Trung cộng.

2. Giữa Philippines và Mỹ có hiệp ước ngày 30-8-1951 bảo vệ các hòn đảo, tàu thuyền và máy bay của Philippines trên Thái Bình Dương khi bị tấn công, nhưng khi có đụng độ, Philippines có thực sự được bảo vệ hay không là vấn đề khác. Ngoại trưởng Kissinger đã nói rất rõ: “Câu trả lời của chúng ta là đúng. Chúng ta không nên nói chúng ta sẽ bảo vệ họ”.

Bản tin của đài VOA ngày 24-6-2011 cho biết trong cuộc họp ngày 23-6-2011, ngoại trưởng Hoa Kỳ, bà Hillary Clinton, nói với ngoại trưởng Philippines Albert del Rosario rằng Hoa Kỳ cam kết bảo vệ Philippines giữa lúc xảy ra vụ tranh chấp lãnh thổ với Trung cộng tại Biển Nam Trung Hoa. Nhưng tờ Philippines Daily Inquirer dẫn lời giáo sư Pacifico Agabin, cựu khoa trưởng luật khoa của Đại học Philippines, cho biết nội dung của bản hiệp ước ký năm 1951 ghi rõ Mỹ không tự động bảo vệ Philippines một khi có xung đột trên biển Đông. Điều 4 của hiệp ước này quy định trong trường hợp xảy ra tấn công trên Thái Bình Dương, tổng thống Mỹ phải được sự chấp thuận của Quốc hội mới tiến hành điều quân.

3. Hoa Kỳ từ chối tiếp tế xăng cho các phi công VNCH để tác chiến ở Hoàng Sa và nói rất rõ lý do tại sao Hoa Kỳ không thể làm như vậy. Điều này chứng tỏ Hoa Kỳ không

còn muốn dính líu gì đến miền Nam Việt Nam nữa. Nhưng tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, người được Mỹ đưa lên cầm quyền ở miền Nam, quá yếu kém về chính trị, không thể hiểu được như vậy. Ông cứ nằng nặc đòi thêm viện trợ và cuối cùng chơi trò “thấu cáy”, rút khỏi Cao Nguyên và miền bắc Trung phần, để Mỹ hoảng sợ miền Nam mất, phải nhảy vào. Nhưng Mỹ đã không can thiệp khiến miền Nam bị sụp đổ một cách nhanh chóng, gây tang thương cho không biết bao người. Tội ấy trời khó dung và đất khó tha.

4. Tất cả các sự kiện được trình bày nói trên cho thấy cả Việt Nam lẫn Philippines phải tự lo lấy thân phận mình, đừng trông chờ ở Mỹ.

Nguồn: Ethongluan.org

Lời bàn: mỗi dân tộc trên quả đất này muốn tồn tại phải tự túc để bảo vệ lấy tâm thân hay quốc gia của mình. Không ai rồi công và dư thừa tiền bạc để đi bảo vệ một người dưng nước lã từng tác đất cho họ đâu, nếu có thì cũng chỉ vì quyền lợi riêng của những thế lực lớn thôi. Dân tộc Việt Nam muốn được độc lập và không bị uy hiếp bởi những cường hào để quốc to lớn một cách dễ dàng thì phải học hỏi ở những quốc gia nhỏ bé như Nam Hàn và Nhật Bản, đây là hai quốc gia điển hình ở Á Châu đã từng bị chiến tranh tàn phá khủng khiếp nhưng vì họ cần cù siêng năng và có những Minh Chủ được lòng dân nên họ mới tạo được cơ đồ như mọi người trông thấy hôm nay. Ở vị trí của họ hôm nay, Mỹ-Nga-Tàu khó có thể khuynh đảo họ được. Trời cũng đã ban cho Dân tộc Việt Nam một Minh chủ rất xứng đáng ở phương nam, có tầm vóc quốc tế đấy... nhưng hỡi ôi! “người ta” đã giết “người ấy” mất rồi!!! 😞 –

BKT.

Nguồn: Internet E-mail by Trương Văn Quang chuyển
http://vietvungvinh.com/2013/index.php?option=com_content&view=article&id=4186:hoa-ky-tiet-lo-vu-hoang-sa&catid=49:chinh-tri-xa-hoi&Itemid=82

Đăng ngày Thứ Sáu, January 17, 2014
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, SĐND, QL-VNCH